TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số 18/2024/HNGĐ-ST Ngày 28.02.2024 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cơ

2. Ông Nguyễn Công Chi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 362/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 362/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ời_khởi_kiện Bà Trần Thị D - sinh năm 19; nơi cư trú: ịa_chỉ Tổ E phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng(*Có mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu S - sinh năm 1975; Luật sư của Văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ; địa chỉ: số G H, quận T, thành phố Đà Nẵng, (*Có mặt*).

2. Bị đơn: ời_bị_kiện Ông Nguyễn Y P - sinh năm 19; nơi cư trú: ịa_chỉ2 Phòng 101, Khu C, đường T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng(*Có mặt*).

Người giám hộ của bị đơn: Bà Võ Thị T - sinh năm 1953; địa chỉ: P, Khu C, đường T, phường H, quận L, TP ., (*Là mẹ của bị đơn*), (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án ngày 09 tháng 10 năm 2023, tại Bản tự khai ngày 30 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Trần Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Y P tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà sống tại đường V, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh từ tháng 10 năm 2018. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp về tính tình và quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông P; mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông P.

- Về quan hệ nuôi con chung: Bà xác định bà và ông P có 01 (*Một*) con chung là Trần Nguyễn Nhật K - sinh ngày 20 tháng 10 năm 2018. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con

- Về quan hệ chia tài sản: Bà xác định bà và ông P không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ bà và ông P.

Tại phiên toà, bà D trình bày: Giữa bà và ông P xảy ra mâu thuẫn là do áp lực đủ thứ; ông P đi làm gây ra nợ nần lẻ tẻ vài triệu, ông P không đóng góp cùng nuôi con mà bà phải trả nợ cho ông P; khi ông P bị tai nạn khoảng năm 2020 - 2021, bà có nghỉ làm 02 tháng để chăm sóc, sau đó nhờ mẹ ông P xuống chăm, từ đó bà phát sinh mâu thuẫn với gia đình chồng nên không đến thăm ông P nữa. Khi ông P xuất viện, vì phải đi làm nên để ông P về ở với mẹ. Các khoản tiền nhận được, bà đã lo chi phí mổ, ăn uống cho ông P hết. Bà nhận thấy bản thân bà đã làm tròn trách nhiệm với ông P. Bà kiên quyết xin ly hôn. Bà yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.500.000 đồng. Các nội dung khác, bà giữ nguyên ý kiến.

* Tại Bản trình bày ngày 21 tháng 10 năm 2023, đơn xin cứu xét ngày 24 tháng 10 năm 2023 và phiên hoà giải ngày 30 tháng 10 năm 2023, bị đơn - ông Nguyễn Y P trình bày thống nhất với trình bày của bà Trần Thị D về điều điện kết hôn, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn, nơi chung sống sau khi kết hôn. Tháng 9 năm 2020, ông bị tại nạn khi tham gia giao thông, do người chạy xe Honda vác cái thang đi cùng chiều gạt ông ngã bị chấn thương sọ não. Ông được mổ não 03 lần và

01 lần mổ cho bị tràn dịch màng phổi. Do lúc ông nằm viện, bà D cầm số tiền các cá nhân, cơ quan đóng góp hơn 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và đưa con đi, cùng với toàn bộ hồ sơ bệnh án, xuất viện của ông. Từ khi xuất viện về cho đến nay, bản thân ông bệnh tật, mất khả năng lao động, sống dựa vào mẹ và các chị em. Hiện nay ông đi lại khó khăn, nhưng tinh thần minh mẫn, tự viết được của bản trình bày gửi Toà án. Nhận thấy, bà D sống bất nhân bất nghĩa nên ông đồng ý ly hôn với bà D. Ông chỉ yêu cầu bà D trả lại bản chính hồ sơ bệnh án, giấy xuất viện để ông làm thủ tục giám định y khoa, hưởng chế độ theo quy định.

Tuy nhiên, tại Đơn xin không chấp nhận ly hôn đến Toà án ngày 09 tháng 11 năm 2023 và phiên hoà giải ngày 13 tháng 12 năm 2023, ông P trình bày: Sau khi xuất viện về, ông không thấy vợ, con. Ông nhớ con, tìm đến nhà thăm con mà vẫn không được gặp. Ông không hiểu lý do vì sao bà D lại xa lánh, cắt đứt tình cảm cha con, tình nghĩa vợ chồng, chỉ vì ông bị tai nạn chấn thương sọ não. Thiết nghĩ tình nghĩa vợ chồng không thể bỏ rơi lúc bị hoạn nạn, bà D yêu cầu ly hôn để trốn tránh trách nhiệm nên ông không đồng ý ly hôn.

Ông P trình bày ông và bà D có 01 con chung như bà D trình bày; vợ chồng có tài sản chung, nhưng tự thoả thuận; không có nợ chung.

Tại phiên toà, ông P trình bày: Khi cưới nhau về, ông có công việc, có thu nhập và đưa thẻ nhận lương cho bà D giữ. Ông không hề gây ra khoản nợ nào để bà D phải trả như bà D trình bày. Ông giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn.

* Tại Đơn xin đề nghị ngày 08 tháng 11 năm 2023, Đơn trình bày ngày 13 tháng 12 năm 2023 và tại phiên toà, người giám hộ cho ông Nguyễn Y P là bà Võ Thị T trình bày:

Con bà - ông Nguyễn Y P bị tai nạn chấn thương sọ não trong thời gian dịch bệnh Covid. Mọi chăm sóc cho ông P đều do bác sỹ, y tá thực hiện. Người nhà chỉ túc trực bên ngoài để nghe ngóng thông tin. Trong thời gian điều trị, các con bà thay nhau nằm chờ ngoài bệnh viện, thỉnh thoảng bà D mới đến thăm. Sau khi con gái của bà phải quay về lại thành phố Hồ Chí Minh làm việc thì có báo cho bà D và bà D có xin công ty nghỉ được 02 tháng. Tuy nhiên, bà D chỉ chăm sóc cho ông P được một thời gian ngắn rồi báo cho bà xuống Bệnh viện phục hồi chức năng để chăm sóc cho con bà, để bà D về thăm con ở quê. Tuy nhiên, từ đó bà D không quay lại, hết hạn được nghỉ thì bà D quay lại công ty làm việc, không ghé bệnh viện để thăm hỏi chồng. Sau khi xuất viện được 02 tuần thì bà D đem đồ dùng cá nhân trả cho ông P và yêu cầu viết đơn ly hôn. Kể từ tháng 3 năm 2021 đến nay, bà D không đến thăm hỏi gì ông P. Bà thống nhất với trình bày ông P không đồng ý ly hôn.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Quá trình chung sống, giữa bà D và ông P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà D, giao con cho bà D nuôi và buộc ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.500.000 đồng.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, cũng như việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ. Việc hỏi, tranh luận tại phiên toà được tiến hành khách quan, đúng trình tự theo quy định tại Mục 3 Chương 14 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình không chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần Thị D, không giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Y P đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa bà D và ông P là hợp pháp.

[1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà D đối với ông P, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ lời trình bày của ông P, của người giám hộ của ông P và cung cấp của địa phương nơi cư trú của ông P, thể hiện: Trong thời gian ông P bị tai nạn, bà D đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ ông P. Sau khi xuất viện, bà D cũng không ở cùng ông P và để mặc cho gia đình ông P chăm sóc, như nội dung trình bày của bà D tại phiên toà.

Do vậy, Hội đồng xét xử cần không chấp nhận đơn xin ly hôn của bà D, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu.

[2] Do không chấp nhận đơn xin ly hôn của bà D nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về quan hệ con chung, quan hệ chia tài sản.

[3] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Trần Thị D phải phải chÞu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng

dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYÕT §ÞNH

Căn cứ các điều 19 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị D đối với ông Nguyễn Y P về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

* Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Không cho bà D ly hôn với ông P.

* Về quan hệ nuôi con chung: Không giải quyết.

* Về quan hệ chia tài sản: Không giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* bà Trần Thị D phải chịu, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn ngàn đồng)* bà D đã nộp tại biên lai thu số 0002345 ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các éiều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q.Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy